

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 31 - 7 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học và ông Đàm Quang Thao

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trịnh Văn T**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Tuy Lộc, xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Hà Thị Đ**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn Tuy Lộc, xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của anh Trịnh Văn T là nguyên đơn trình bày: Anh kết hôn với chị Hà Thị Đ tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/1991 tại UBND xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng vì các con chưa trưởng thành nên vợ chồng đã bỏ qua cho nhau. Đến tháng 10/2017, anh và chị Đ không thể có tiếng nói chung được nữa, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2018, anh và chị Đ sống chung nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, kinh tế vợ chồng độc lập, nợ chung cũng tự chia để trả nợ. Khoảng đầu năm 2019, anh đã ra ngoài, thuê nhà ở cùng với một người phụ nữ khác cho đến nay. Vợ chồng sống hoàn toàn ly thân

nhiều năm nay. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hà Thị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đào có 02 con chung là Trịnh Thế Nhật, sinh ngày 22/6/1991 và Trịnh Thị Hoa, sinh ngày 21/10/1992. Cả hai đều đã trưởng thành, khỏe mạnh, đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

* Bị đơn là chị Hà Thị Đ trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như anh T trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau do khó khăn về kinh tế. Năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh T đánh, đuổi chị không cho về nhà. Chị phải ở nhờ nhà bố mẹ chồng 4 ngày. Sau đó, con trai chị can thiệp thì anh T mới cho chị về nhà, vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 06/2019, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên nhiều nhưng anh T không thay đổi. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ở cùng nhà nhưng không còn tình cảm, ăn riêng, ngủ riêng, kinh tế cũng riêng biệt. Năm 2019, anh T đã dọn ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh T muốn ly hôn chị để đến với người phụ nữ khác, chị không đồng ý vì nay chị đã nhiều tuổi, không muốn thay đổi cuộc sống hiện tại.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trịnh Thế Nhật, sinh ngày 22/6/1991 và Trịnh Thị Hoa, sinh ngày 21/10/1992 đều đã trưởng thành, khỏe mạnh.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Kết quả điều tra, xác minh tại địa phương: Anh T và chị Đ phát sinh mâu thuẫn từ công việc, cuộc sống hàng ngày và cách làm kinh tế trong gia đình. Mâu thuẫn đỉnh điểm dẫn đến anh T có đơn xin ly hôn chị Đ là do anh có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2019, anh T không ở cùng với chị Đ mà đang ở cùng với người phụ nữ khác. Năm 2021, anh T làm đơn xin ly hôn chị Đ. Sau đó được Tòa án hòa giải nên anh T lại rút đơn ly hôn. Nay anh T tiếp tục có đơn xin ly hôn chị Đ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Văn T. Anh T được ly hôn chị Hà Thị Đ. Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con chung là Trịnh Thế Nhật, sinh ngày 22/6/1991 và Trịnh

Thị Hoa, sinh ngày 21/10/1992, đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không phải giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là Trịnh Văn T có đơn xin ly hôn chị Hà Thị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trịnh Văn T và chị Hà Thị Đ trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/3/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. [1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự cũng như các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Vợ chồng anh T và chị Đ có thời gian dài chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Quá trình chung sống tiếp theo, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ban đầu là mâu thuẫn về công việc, sinh hoạt trong gia đình, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng ở cùng nhà nhưng đã ăn riêng, ngủ riêng, kinh tế mỗi người độc lập. Năm 2019, anh T có tình cảm với người phụ nữ khác và dọn ra ở riêng. Chị Đ thừa nhận từ năm 2019, vợ chồng sống ly thân, anh T không quan tâm đến chị, đối xử tệ bạc với chị. Nay anh T yêu cầu giải quyết ly hôn, chị không đồng ý vì chị đã nhiều tuổi, không muốn thay đổi cuộc sống hiện tại. Anh T muốn sống với ai, ở với ai, chị không quan tâm. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Đ không còn gắn bó, đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn.

[2]. [2]. Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con chung là Trịnh Thế Nhật, sinh ngày 22/6/1991 và Trịnh Thị Hoa, sinh ngày 21/10/1992, cả hai đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không phải giải quyết.

[2]. [3]. Về tài sản chung: Anh T và chị Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2]. [4]. Về nợ chung: Anh T và chị Đ đều xác định vợ chồng không nợ ai nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị anh Trịnh Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn T được ly hôn chị Hà Thị Đ.

1.2. Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con chung là Trịnh Thế Nhật, sinh ngày 22/6/1991 và Trịnh Thị Hoa, sinh ngày 21/10/1992, cả hai đều đã trưởng thành, khỏe mạnh.

1.3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Anh Trịnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042074 ngày 27/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu

